

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 17/2009/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội
tỉnh Tiền Giang đến năm 2020**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày
25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ vào Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 và
Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11
tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về
lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng
thể phát triển kinh tế - xã hội;*

*Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh
Tiền Giang tại Tờ trình số 112 ngày 03
tháng 9 năm 2008 về Quy hoạch tổng
thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tiền
Giang đến năm 2020,*

đến năm 2020 với những nội dung chủ
yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh
tế - xã hội tỉnh Tiền Giang đến năm 2020,
bảo đảm phù hợp với Chiến lược phát
triển kinh tế - xã hội của cả nước và quy
hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội
vùng đồng bằng sông Cửu Long.

2. Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh
tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng
công nghiệp hóa, hiện đại hóa; đẩy mạnh
ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản
xuất, dịch vụ, phát triển mạnh những
ngành sản xuất và dịch vụ có lợi thế, gắn

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể
phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tiền Giang

với phát triển những lĩnh vực có hàm lượng công nghệ cao.

3. Huy động mọi nguồn lực vào phát triển kinh tế - xã hội, mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại, thu hút tối đa các nguồn lực từ bên ngoài, nhất là vốn, công nghệ, lao động có tay nghề kỹ thuật cao, thực hiện nhất quán, lâu dài các chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư, mở rộng thị trường xuất khẩu, tăng sức cạnh tranh của hàng hóa dịch vụ.

4. Phát triển kinh tế nhanh và bền vững, đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế; bảo đảm giải quyết hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ môi trường, cải thiện và từng bước nâng cao đời sống nhân dân.

5. Tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, coi trọng phát huy nhân tố con người, nâng cao năng lực giáo dục, đào tạo và trình độ dân trí kết hợp với phát triển khoa học công nghệ... xem đó là một trong những yếu tố quyết định để thực hiện công nghiệp hóa và hiện đại hóa.

6. Phát triển kinh tế phải gắn với ổn định chính trị, bảo đảm trật tự xã hội, nâng cao dân trí; tăng cường sức mạnh quốc phòng, an ninh; củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị, xây dựng nền hành chính vững mạnh.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát:

Phát triển kinh tế với tốc độ cao, bền vững, đẩy nhanh đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, tăng sức cạnh tranh cho các sản phẩm hàng hóa và dịch vụ của địa phương, phấn đấu đến năm 2015 hình thành cơ cấu kinh tế công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp đến năm 2020 xây dựng Tiền Giang trở thành một tỉnh có kinh tế - xã hội phát triển, đóng góp tích cực vào sự phát triển của vùng đồng bằng sông Cửu Long và cả nước; đời sống nhân dân được cải thiện và nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ; an ninh và quốc phòng luôn bảo đảm.

2. Mục tiêu cụ thể:

a) Mục tiêu kinh tế:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) tăng bình quân 12,5%/năm thời kỳ 2006 - 2020, trong đó giai đoạn 2006 - 2010, tăng bình quân 12% - 13%/năm;

- GDP bình quân đầu người năm 2010 đạt 1.025 - 1.080 USD (giá thực tế), đến năm 2020 đạt khoảng 4.050 USD/người;

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng các ngành phi nông nghiệp. Đến năm 2010, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng đạt 33% - 34%,

Thương mại - Dịch vụ đạt 32% - 33% và tỷ trọng nông, lâm, ngư nghiệp giảm xuống còn 33 - 35% trong GDP; đến năm 2020, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng đạt 48,5%, thương mại - dịch vụ đạt 36,5%, nông, lâm, ngư nghiệp đạt 15,0%;

- Mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại. Tạo mọi điều kiện cho mục tiêu tăng nhanh xuất khẩu, thu hút vốn và công nghệ từ bên ngoài. Phấn đấu kim ngạch xuất khẩu đạt trên 400 triệu USD vào năm 2010 và trên 1 tỷ 800 triệu USD năm 2020; tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu bình quân 17%/năm giai đoạn 2006 - 2010 và 16,2%/năm giai đoạn 2011 - 2020; giá trị xuất khẩu bình quân đầu người đạt trên 900 USD vào năm 2020;

- Tốc độ đổi mới công nghệ phấn đấu đạt bình quân 20 - 25%/năm;

- Huy động nguồn vốn đầu tư toàn xã hội hàng năm đạt hơn 40%/GDP.

b) Mục tiêu xã hội:

- Tỷ lệ tăng dân số bình quân thời kỳ 2006 - 2020 đạt dưới 1,0%/năm, giảm tỷ lệ sinh bình quân hàng năm 0,03%. Phấn đấu ổn định và từng bước giảm tỷ lệ lao động thất nghiệp khu vực thành thị xuống còn dưới 4% từ năm 2010 và nâng thời gian sử dụng lao động khu vực nông thôn lên khoảng 85% vào năm 2010 và trên 90% năm 2020. Tạo cơ

chế chính sách thích hợp để tăng cường thu hút nguồn vốn, phát triển các hình thức đầu tư, tạo việc làm mới để hàng năm thu hút trên 20 ngàn lao động (2006 - 2010) và trên 40 ngàn lao động (2011 - 2020). Tăng tỷ lệ lao động qua đào tạo lên 40% năm 2010 và khoảng 51% vào năm 2020. Phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn mới) xuống còn khoảng 10% năm 2010 và dưới 6% vào năm 2020;

- Phấn đấu đến năm 2010, tỷ lệ học sinh so với số dân trong độ tuổi tương ứng ở các bậc học: nhà trẻ đạt trên 15%; mẫu giáo đạt trên 70%; tiểu học đạt 100%; trung học cơ sở đạt 99%; phổ thông trung học đạt 62%; không còn người mù chữ. Đến năm 2020, tỷ lệ học sinh so với số dân trong độ tuổi tương ứng: nhà trẻ đạt 50%, mẫu giáo đạt 99%, tiểu học đạt 100%, trung học cơ sở trên đạt 99%; trung học phổ thông đạt trên 75%;

- Đến năm 2010: 99,5% số hộ có điện sử dụng; 100% xã có đường giao thông đến trung tâm xã và 85% được trải nhựa, bê tông. Đến năm 2020, 100% số hộ có điện sử dụng và 100% đường giao thông đến trung tâm xã được trải nhựa, bê tông;

- Tỷ lệ đô thị hóa đạt 26% năm 2010 và trên 37% vào năm 2020;

- Thực hiện các biện pháp đồng bộ để hạn chế và giảm đáng kể các bệnh nhiễm vi rút HIV và AIDS và các bệnh dịch khác.

Đến năm 2010, 100% trạm y tế xã có bác sĩ, đạt 6 bác sĩ/vạn dân và khoảng 8 bác sĩ/vạn dân vào năm 2020; nâng tỷ lệ giường bệnh trên vạn dân lên 26 giường (2010) và 29 giường (2020); giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng (< 5 tuổi) dưới 17% (2010) và 10% (2020). Nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao, phát thanh và truyền hình trên toàn Tỉnh;

- Bảo đảm vững chắc an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trong mọi tình huống.

c) Mục tiêu về môi trường:

- Nâng độ che phủ (rừng và cây lâu năm) lên 40 - 41,5% năm 2020;

- Phấn đấu đến năm 2010: 100% cơ sở sản xuất xây dựng mới có công nghệ sạch hoặc được trang bị các thiết bị giảm thiểu ô nhiễm, xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn môi trường; 40% các khu đô thị, dân cư, 70% các khu công nghiệp, cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường; thu gom và xử lý 80 - 90% chất thải rắn; thu gom 100% và xử lý trên 60% chất thải nguy hại, 100% chất thải y tế; 70% hộ gia đình có hố xí, chuồng trại hợp vệ sinh. Trên 88% hộ dân nông thôn và trên 95% số hộ đô thị được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh;

- Đến năm 2020: 100% cơ sở sản xuất

xây dựng mới có công nghệ sạch; 70% các khu đô thị và 100% các khu công nghiệp, khu công nghệ cao có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường; trên 95% chất thải rắn được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường; xử lý trên 80% chất thải nguy hại; 70% các đô thị có hệ thống thoát nước thải riêng đạt tiêu chuẩn. Trên 95% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch cho sinh hoạt và trên 80% hộ gia đình có hố xí, chuồng trại hợp vệ sinh.

III. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH VÀ LĨNH VỰC

1. Phát triển ngành nông, lâm, thủy sản:

Phát triển toàn diện nông nghiệp nông thôn theo hướng sản xuất hàng hóa. Phát triển sản xuất đi đôi với bảo vệ môi trường sinh thái, bảo đảm phát triển nông nghiệp bền vững.

Đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn theo hướng thâm canh, chuyên canh, ứng dụng công nghệ sinh học, chuyển đổi giống cây trồng, vật nuôi có năng suất và chất lượng cao nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường và tăng thu nhập trên đơn vị diện tích nuôi trồng.

Tổ chức lại hệ thống sản xuất nông nghiệp gắn với hệ thống tiêu thụ và chế biến sản phẩm; chú trọng cung cấp tổ chức và nâng cao vai trò kinh tế tập thể đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế vườn, nuôi trồng thủy hải sản và chú trọng xây dựng thương hiệu hàng hóa các sản phẩm đặc trưng của Tỉnh (như vú sữa lò rèn Vĩnh Kim, sô ri Gò Công, xoài cát Hòa Lộc, cam mật Cái Bè, bưởi, thanh long Chợ Gạo, bưởi da xanh, khóm...) để nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Đầu tư ổn định khoảng 60 nghìn ha canh tác lúa để đảm bảo vững chắc an ninh lương thực và xuất khẩu. Hình thành các vùng chuyên canh phù hợp với tiềm năng và lợi thế so sánh của Tỉnh như cây ăn quả, rau sạch... cung cấp cho Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp hóa để tăng năng suất, chất lượng sản phẩm và bảo vệ môi trường.

Phát triển lâm nghiệp theo hướng khoanh nuôi, bảo vệ rừng ngập mặn ven biển, rừng tràm nguyên sinh Tân Phước, kết hợp trồng cây phân tán dọc theo trực lộ, kênh mương, đất ở hộ gia đình gắn liền với phát triển vườn cây ăn trái lâu năm có giá trị kinh tế, sinh thái và môi trường cao, góp phần nâng cao độ che phủ thực vật toàn tỉnh lên 40 - 41,5%.

Phát triển thủy sản theo hướng quy

hoạch các vùng nuôi trồng thủy sản, thâm canh tăng năng suất, đa dạng hóa đối tượng nuôi, kết hợp chặt chẽ khâu nuôi, bảo quản chế biến và quản lý bảo vệ môi trường, chú trọng phát triển các loại thủy sản có giá trị tiêu dùng nội địa và xuất khẩu như cá, tôm, nghêu, cá bè, sò, cua... trên sông Tiền, các cồn, bãi bồi ven biển. Giảm đánh bắt gần bờ để bảo vệ tài nguyên, tăng đánh bắt xa bờ theo hướng tổ chức lại sản xuất, nâng cao năng lực và hiện đại hóa các đội tàu đánh bắt xa bờ.

Nâng cấp và xây dựng mới các trung tâm sản xuất giống trên địa bàn tỉnh gắn với các trung tâm sản xuất của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và vùng đồng bằng sông Cửu Long. Xây dựng khu neo đậu, trú bão tàu thủy sản; nâng cấp và xây dựng mới các cụm cảng cá, chợ đầu mối về thủy sản gắn với phát triển dịch vụ hậu cần nghề cá.

Tiếp tục đầu tư và hoàn thiện các trục thoát lũ từ Bắc Quốc lộ 1, dự án ngọt hóa Gò Công, nâng cấp các đê biển Gò Công, đê kênh chợ gạo, hệ thống kiểm soát lũ vườn cây ăn trái gắn với hệ thống kiểm soát lũ của tỉnh và vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Tăng cường hỗ trợ đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế và xã hội ở nông thôn gắn liền với chương trình đầu

tư xây dựng cụm tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long, góp phần ổn định đời sống dân cư và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội khu vực nông nghiệp - nông thôn.

Phân đấu giá trị gia tăng toàn ngành nông, lâm, ngư nghiệp giai đoạn 2006 - 2020 tăng bình quân trên 4,0%/năm; trong đó giai đoạn 2006 - 2010, ngành nông, lâm nghiệp tăng bình quân 4,3%/năm và ngành thủy sản tăng 6,0%/năm; đến năm 2020 tỷ trọng chăn nuôi chiếm trên 32% giá trị tăng thêm của ngành nông nghiệp và thủy sản chiếm trên 21% giá trị tăng thêm của khu vực nông, lâm, ngư nghiệp.

2. Phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp:

Tạo môi trường đầu tư thuận lợi, tiếp tục thu hút đầu tư phát triển các ngành công nghiệp theo hướng đa dạng hóa sản phẩm, công nghiệp có hàm lượng công nghệ cao, đồng thời chú trọng các ngành, lĩnh vực Tỉnh có lợi thế về tiềm năng và vị trí địa lý kinh tế như công nghiệp chế biến, công nghệ sinh học, công nghiệp cơ khí, chế tạo phục vụ nông nghiệp - nông thôn, công nghiệp tàu thủy cùng các ngành công nghiệp hỗ trợ cho vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Phát triển mạnh công nghiệp vừa và nhỏ sử dụng công nghệ tiên tiến, khuyến khích đầu tư phát triển các ngành, nghề tiêu thủ công nghiệp, làng nghề truyền thống nhằm giải quyết việc làm và sử dụng có hiệu quả nguồn nguyên liệu, nguồn lao động khu vực nông nghiệp và nông thôn.

Tập trung đầu tư phát triển nhanh các khu, cụm công nghiệp đã được phê duyệt đồng thời củng cố và nâng cao hiệu quả của các khu, cụm công nghiệp đã có trên địa bàn. Định hướng đến năm 2020, toàn Tỉnh có từ 7 đến 8 khu công nghiệp tập trung và khoảng 30 cụm công nghiệp địa phương được xây dựng với tổng diện tích chiếm đất khoảng 8.758 ha.

Đầu tư xây dựng các khu cụm công nghiệp, các nhà máy, phải gắn liền với xây dựng các công trình xử lý chất thải, trồng cây xanh, bảo đảm môi trường xanh, sạch, đẹp của các khu, cụm công nghiệp.

Phân đấu đạt mục tiêu giá trị sản xuất công nghiệp giai đoạn 2006 - 2010 tăng bình quân trên 27%/năm, giải quyết việc làm cho khoảng 130 ngàn lao động. Thời kỳ 2011 - 2020 giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân trên 18%/năm, giải quyết việc làm cho trên 320 nghìn lao động. Tạo sự chuyển dịch mạnh về cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp.

3. Phát triển thương mại - dịch vụ:

Phát triển thị trường nội địa, mở rộng giao thương với thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, vùng đồng bằng sông Cửu Long gắn liền với phát triển mạng lưới thương mại với sự tham gia của các thành phần kinh tế. Sắp xếp lại mạng lưới bán lẻ, ưu tiên phát triển hệ thống kinh doanh bán lẻ hiện đại, quy hoạch những vị trí có lợi thế thương mại ở đô thị để xây dựng, phát triển các khu thương mại, dịch vụ tại thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công, Cai Lậy, Cái Bè; hình thành các khu dân cư - đô thị - thương mại - dịch vụ khoa học kỹ thuật, y tế, giáo dục - đào tạo, tài chính - ngân hàng và nghỉ dưỡng khu vực Bắc Gò Công, Đông Nam Tân Phước, Trung Lương (Mỹ Tho)...củng cố và phát triển hệ thống các chợ đầu mối về nông thủy sản khác đã có trên địa bàn Tỉnh, tạo cầu nối giữa vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Tập trung đẩy mạnh xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường nước ngoài, tạo mọi điều kiện đẩy mạnh phát triển sản xuất và xuất khẩu các mặt hàng chủ lực, các sản phẩm xuất khẩu từ các khu công nghiệp và các sản phẩm chế biến từ lúa gạo, thủy sản, cây ăn quả...

Phát triển mô hình du lịch sinh thái,

du lịch biển đảo, thực hiện liên kết phát triển du lịch trong nước và quốc tế, đa dạng hóa các loại hình và sản phẩm du lịch. Thu hút đầu tư xây dựng các khu vui chơi giải trí tổng hợp, các khu nghỉ dưỡng, các địa điểm có tiềm năng du lịch như: các cù lao trên sông Tiền, vùng ngập lũ và thôn dã Đồng Tháp Mười, tập trung ưu tiên đầu tư cù lao Thới Sơn thành cụm điểm du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái của tiêu vùng hạ lưu sông Mê Kông mở rộng, bãi biển Tân Thành, vườn cây ăn trái, các di tích văn hóa lịch sử...

Phát triển các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao, có tác dụng thúc đẩy các ngành sản xuất và dịch vụ khác như vận tải, viễn thông và công nghệ thông tin, dịch vụ khoa học công nghệ, tư vấn, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, các dịch vụ đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao.

Phân đấu đến năm 2010 giá trị gia tăng ngành dịch vụ chiếm khoảng 32,0% trong GDP và đến năm 2020 chiếm 36,5%, tốc độ tăng trưởng bình quân 13,8%/năm trong giai đoạn 2006 - 2010 và khoảng 13,6%/năm thời kỳ 2011 - 2020. Tổng kim ngạch xuất khẩu trong 5 năm 2006 - 2010 đạt trên 1,47 tỷ USD, tốc độ tăng bình quân 17%/năm. Giai đoạn 2011 - 2020 tổng kim ngạch xuất khẩu đạt khoảng 9 - 10 tỷ đô la, năm 2020 kim ngạch đạt trên 1,8 tỷ USD, tốc độ tăng giá trị kim ngạch

xuất khẩu bình quân 16,2%/năm. Năm 2020, thu hút khách du lịch đạt khoảng 2 triệu người, trong đó khách quốc tế trên 1 triệu người.

4. Các lĩnh vực văn hóa - xã hội:

Tập trung thực hiện các chương trình quốc gia về dân số và kế hoạch hóa gia đình, về giáo dục và đào tạo, giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo... không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân về ăn, mặc, ở, đi lại, học hành, khám chữa bệnh, hưởng thụ văn hóa. Phần đầu giảm tỷ lệ sinh bình quân hàng năm 0,03%; đến năm 2010 dân số đạt khoảng 1.785 nghìn người và năm 2020 là 1.967 nghìn người.

Tạo sự chuyển dịch mạnh cơ cấu lao động nông nghiệp sang công nghiệp - dịch vụ, dự kiến đến năm 2020 tỷ trọng lao động nông nghiệp còn khoảng 28% trong tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế. Nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo lên 40% năm 2010 và 51% năm 2020; giảm tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn mới) xuống còn khoảng 10% năm 2010 và dưới 6% vào năm 2020. Giải quyết tốt chính sách đối với người có công.

a) Giáo dục và đào tạo:

Chú trọng công tác phát triển nguồn nhân lực cả về số lượng và chất lượng. Phát triển giáo dục phải toàn diện từ giáo

dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông. Tiếp tục đầu tư kiên cố hóa trường học, trang thiết bị dạy học theo hướng chuẩn hóa. Chú trọng phát triển hệ thống giáo dục mầm non ở các xã vùng sâu vùng xa. Phần đầu đến năm 2010, tỷ lệ học sinh huy động so với dân số trong độ tuổi ở các bậc học như: nhà trẻ trên 15%; mẫu giáo trên 70%; tiểu học 100%; trung học cơ sở đạt 99% và phổ thông trung học là 62%. Đến năm 2020, tỷ lệ huy động học sinh so độ tuổi, nhà trẻ là 50%, mẫu giáo 99%, tiểu học 100%, trung học cơ sở trên 99%, trung học phổ thông đạt trên 75%.

Phát triển hệ thống giáo dục trung học chuyên nghiệp, dạy nghề và đại học hợp lý trên cơ sở quy hoạch mạng lưới các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp trên địa bàn Tỉnh. Tập trung đầu tư hoàn chỉnh trường Cao đẳng Y tế, trường Đại học Tiền Giang, xây dựng mới trường Cao đẳng kinh tế kỹ thuật và đầu tư nâng cấp, phát triển hệ thống các trường dạy nghề của Tỉnh... có đủ điều kiện về trang thiết bị kỹ thuật hiện đại và đội ngũ giảng viên giỏi, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo. Đồng thời, thực hiện phương châm xã hội hóa công tác đào tạo, khuyến khích mọi thành phần kinh tế, kể cả hợp tác quốc tế tham gia đầu tư cơ sở vật chất và đào tạo phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là lao

động có trình độ kỹ thuật cao, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội và của các khu công nghiệp của địa phương và trong Vùng;

b) Y tế và chăm sóc sức khỏe người dân:

Phát triển đồng bộ và hoàn thiện mạng lưới y tế từ tinh xuống cơ sở, thực hiện đầy đủ các chương trình, chính sách y tế của Nhà nước. Không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ y tế cộng đồng, giải quyết tốt vấn đề chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân. Củng cố và phát triển hệ thống y tế dự phòng.

Tăng cường đầu tư phát triển toàn diện ngành y tế cả về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nguồn nhân lực. Từng bước hiện đại hóa thiết bị chẩn đoán, điều trị cho bệnh viện tuyến tỉnh, tuyến huyện đạt tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế. Đầu tư xây dựng bệnh viện đa khoa trung tâm tinh thành bệnh viện cấp vùng; đồng thời xây dựng mới các bệnh viện chuyên khoa, bệnh viện cấp huyện theo quy hoạch phát triển ngành. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa y tế. Khuyến khích đầu tư một số bệnh viện, trung tâm chẩn đoán y khoa chuyên sâu ngoài công lập nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của nhân dân trong tỉnh và vùng.

Phân đấu đến năm 2020, giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng xuống

dưới 10%; tỷ lệ bác sĩ/1 vạn dân đạt 8 người; duy trì 100% trạm y tế có bác sĩ; số giường bệnh/1 vạn dân đạt 29 giường; 99% trẻ em dưới 1 tuổi tiêm chủng đủ 6 loại vắc-xin;

c) Văn hóa, thông tin, thể dục thể thao:

Củng cố và phát triển thư viện các cấp, từ đô thị đến nông thôn. Nâng cao chất lượng các chương trình phát thanh, truyền hình. Phát triển, củng cố hoạt động bảo tồn, bảo tàng nhằm bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị di sản văn hóa, di tích lịch sử và phát huy bản sắc dân tộc. Chú trọng đầu tư cơ sở vật chất cho các ngành văn hóa - thông tin, thể dục thể thao và các lĩnh vực xã hội khác, đặc biệt là các công trình cơ bản theo quy hoạch hệ thống thiết chế văn hóa thông tin của ngành và các công trình cơ bản của ngành thể dục - thể thao các cấp. Đẩy mạnh xã hội hóa trong các lĩnh vực văn hóa, thể dục - thể thao.

Mục tiêu đến năm 2010: 95% hộ gia đình đạt chuẩn gia đình văn hóa, 100% xã phường đều có điểm văn hóa và phòng đọc sách; 100% số hộ có phương tiện nghe đài phát thanh và xem truyền hình; 80% - 90% số trường tiến hành tập luyện thể dục, thể thao nội khóa ổn định, 18% dân số tham gia tập luyện thể dục - thể thao thường xuyên, 60% - 80% số xã có sân bóng đá;

d) Khoa học - công nghệ:

Tăng cường công tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ vào mọi hoạt động kinh tế xã hội theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn liền với công tác đào tạo phát triển lực lượng khoa học kỹ thuật trình độ cao.

5. Kết cấu hạ tầng kỹ thuật:

Tỉnh chủ động phối hợp các Bộ ngành Trung ương đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương - Cần Thơ, quốc lộ 60, quốc lộ 50 bao gồm cả xây dựng mới cầu Mỹ Lợi (thay phà) và cầu Chợ Gạo; hỗ trợ nâng cấp đồng bộ tuyến đường liên tỉnh Tiền Giang (ĐT 865) - Long An (Hương lộ 28) - Đồng Tháp (ĐT 847). Nghiên cứu triển khai xây dựng tuyến đường sắt thành phố Hồ Chí Minh - Mỹ Tho - Cần Thơ vào thời điểm thích hợp.

Nâng cấp luồng cửa tiều sông Tiền và cửa sông Soài Rạp nhằm khai thông luồng cho các tàu có tải trọng lớn, gắn liền với việc cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới các cảng trên sông, trong đó có cảng Mỹ Tho và Cụm cảng và cơ sở đóng tàu vận tải biển ở cửa sông Soài Rạp; nâng cấp trục kinh tế - giao thông kênh Chợ Gạo, kênh Tháp Mười số 2 (kênh Nguyễn Văn Tiệp).

Cải tạo, nâng cấp đồng bộ hệ thống cầu đường trên địa bàn Tỉnh, ưu tiên đường

vào các khu, cụm công nghiệp, đường nhánh kết nối với hệ thống đường quốc lộ, đường cao tốc. Phấn đấu đến năm 2010, cứng hóa mặt đường đạt 100%; 100% các xã đều có đường vào trung tâm xã và 85% mặt đường được trải nhựa, dal, bêtông. Hoàn thành hệ thống bến bắc hàng hóa và ghe thuyền cho các huyện, đầu tư chiều sâu và nâng cấp cảng Mỹ Tho trở thành cảng khu vực có năng lực giao nhận trên 500.000 tấn/năm và đảm bảo tàu tải trọng từ 3000 DWT đến 5000 DWT có khả năng cặp bến.

Nâng cấp phát triển đồng bộ và hiện đại hệ thống bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin; hệ thống điện; hệ thống cấp thoát nước, đặc biệt là hệ thống cung cấp nước sạch cho 4 huyện phía Đông và hệ thống xử lý nước thải cho các đô thị, các khu công nghiệp.

Đến năm 2010 mật độ sử dụng điện thoại đạt 38 máy/100 dân, trong đó, mật độ máy cố định và di động trả sau đạt 15 máy/100 dân và năm 2020 đạt khoảng 72 máy/100 dân, trong đó, mật độ máy cố định và di động trả sau đạt 38 máy/100 dân.

Phấn đấu đến năm 2015, toàn tỉnh có 100% số hộ dân có điện sử dụng, trong đó có 90% số hộ mua điện trực tiếp với ngành điện; điện thương phẩm bình quân đầu người đạt 1.266 kwh/người.

6. Quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội:

- Nâng cao chất lượng và củng cố số lượng quân thường trực đáp ứng yêu cầu chính quy, hiện đại. Tăng cường biện pháp quản lý và xây dựng lực lượng dự bị, phát triển dân quân và tự vệ phù hợp với nhiệm vụ chung và nhiệm vụ từng khu vực phòng thủ. Chú trọng xây dựng lực lượng tự vệ biển;

- Xây dựng lực lượng công an nhân dân tinh nhuệ, giỏi về nghiệp vụ, vững về chính trị, chống diễn biến hòa bình. Xây dựng lực lượng cơ sở vững mạnh, đầy mạnh phong trào nhân dân tự quản có chất lượng, bảo đảm đối phó với mọi tình huống. Tăng cường công tác kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh trong từng ngành, từng lĩnh vực từ khâu quy hoạch phát triển các vùng kinh tế, các công trình hạ tầng kỹ thuật...

7. Bảo vệ môi trường:

Tăng trưởng kinh tế phải kết hợp với phát triển xã hội và bảo vệ môi trường, bảo đảm phát triển bền vững, hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm, khắc phục tình trạng suy thoái và cải thiện chất lượng môi trường; giải quyết một bước cơ bản tình trạng suy thoái môi trường ở các khu công nghiệp, các khu dân cư đông

đúc ở các thành phố lớn và một số vùng nông thôn; cải tạo và xử lý ô nhiễm môi trường trên các dòng sông, hồ ao, kênh mương. Nâng cao khả năng phòng tránh và hạn chế tác động xấu của thiên tai, của sự biến động khí hậu bất lợi đối với môi trường; ứng cứu và khắc phục có hiệu quả sự cố ô nhiễm môi trường do thiên tai gây ra. Khai thác và sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo đảm cân bằng sinh thái ở mức cao, bảo tồn thiên nhiên và giữ gìn đa dạng sinh học. Chủ động thực hiện và đáp ứng các yêu cầu về môi trường trong hội nhập kinh tế quốc tế, hạn chế các ảnh hưởng xấu của quá trình toàn cầu hóa tác động đến môi trường trong nước nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, bảo đảm phát triển bền vững đất nước. Xây dựng bộ máy quản lý môi trường vững mạnh và xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường.

IV. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN, LÃNH THỔ

1. Định hướng sử dụng đất:

Sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên đất, bảo đảm phát triển kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa mang lại hiệu quả cao và phát triển bền vững về

môi trường sinh thái. Bên cạnh việc bố trí sử dụng đất đai hợp lý cho sản xuất nông nghiệp, phải bảo đảm mục tiêu an toàn lương thực, thực phẩm; đẩy mạnh xuất khẩu và nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.

Quy hoạch phải dành một tỷ lệ thích hợp về đất để phát triển công nghiệp (các khu, cụm, điểm công nghiệp tập trung...); đất để phát triển thị trấn, các trung tâm xã, các điểm dân cư; đất để phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật, phúc lợi xã hội và nhà ở...

- Đất nông nghiệp đến năm 2010 là 190,4 nghìn ha, chiếm 76,7% diện tích đất tự nhiên; và đến năm 2020 khoảng 182,8 nghìn ha, chiếm 73,7% diện tích đất tự nhiên.

- Đất phi nông nghiệp năm 2010 đạt 51,92 nghìn ha, chiếm 20,9% diện tích đất tự nhiên và đến năm 2020 khoảng 62,8 nghìn ha, chiếm 25,3% diện tích đất tự nhiên.

- Đất chưa sử dụng đến năm 2010 còn khoảng 5,85 nghìn ha, chiếm 2,4% diện tích đất tự nhiên; và đến năm 2020 khoảng 2,59 nghìn ha, chiếm 1,0% diện tích đất tự nhiên.

2. Định hướng phát triển đô thị và khu dân cư nông thôn:

Tập trung nâng cấp, phát triển mở rộng thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công và thị trấn Cai Lậy trở thành trung tâm thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng và các tiêu vùng; đồng thời phát triển các thị trấn, các khu dân cư, khu đô thị mới có tiềm năng, gắn với sự phát triển các khu cụm công nghiệp và sự lan tỏa vùng đô thị thành phố Hồ Chí Minh thông qua các hành lang kinh tế Quốc lộ 1, quốc lộ 50, đường cao tốc, đường sắt.

Phân đấu đến năm 2020, mạng lưới đô thị của tỉnh bao gồm thành phố Mỹ Tho - đô thị loại I; thị xã Gò Công - đô thị loại III; thị trấn Cai Lậy - đô thị loại IV (năm 2010) và đô thị loại II (năm 2020); thị trấn Cái Bè, Tân Hiệp - đô thị loại IV; các thị trấn còn lại là đô thị loại V. Nâng tỷ lệ đô thị hóa đạt 26% năm 2010 và 37% năm 2020.

Tăng cường đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội cho huyện mới Tân Phú Đông nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các xã cù lao vùng cửa sông, gắn liền với bảo vệ an ninh, quốc phòng vùng biển.

Tiếp tục quy hoạch, đầu tư xây dựng các thị trấn, các trung tâm xã, các khu dân cư nông thôn, đặc biệt xây dựng các cụm tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, xóa đói giảm nghèo và bảo vệ môi trường

sinh thái khu vực nông nghiệp - nông thôn theo hướng phát triển bền vững.

3. Phân vùng kinh tế:

- Vùng I: các huyện phía Đông của tỉnh: thị xã Gò Công, huyện Chợ Gạo, Gò Công Tây, Gò Công Đông và huyện Tân Phú Đông; tổng diện tích tự nhiên 98.710 ha, dân số chiếm 35,6% dân số tỉnh, mật độ bình quân 613 người/km². Phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp - thương mại và dịch vụ - nông nghiệp đặc biệt dịch vụ du lịch và vận tải biển... Phát huy lợi thế nằm gần thành phố Hồ Chí Minh, Vũng Tàu và đường biển để phát triển kinh tế. Tập trung đầu tư phát triển các khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ - du lịch... tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về kinh tế biển và vùng ven biển; tiếp tục phát triển nông nghiệp - thủy sản phù hợp sinh thái; kết hợp phát triển kinh tế với bảo vệ an ninh, quốc phòng vùng biển và ven biển;

- Vùng II: nằm về phía Tây của tỉnh, gồm các huyện Cái Bè, Cai Lậy, Tân Phước, với diện tích tự nhiên 119.030 ha, dân số chiếm 39,3% dân số tỉnh, mật độ bình quân 561 người/km². Đãy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng thương mại - dịch vụ - nông nghiệp - công nghiệp; phát triển mạnh thương mại - dịch vụ; xây dựng các mô hình nông nghiệp công nghệ cao; hình thành các khu, cụm công nghiệp tập trung

gắn liền với hình thành các vùng chuyên canh, sản xuất hàng hóa nông sản lớn;

- Vùng III: nằm vị trí trung tâm tỉnh, gồm thành phố Mỹ Tho và huyện Châu Thành với diện tích tự nhiên 30.436 ha, dân số chiếm 25,1% dân số tỉnh, mật độ bình quân 1.401 người/km², tiếp tục phát huy vai trò đầu tàu và hạt nhân tăng trưởng của địa phương, hỗ trợ và thúc đẩy cả 3 vùng cùng phát triển. Phát triển đồng bộ công nghiệp, dịch vụ, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Đầu tư trên các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội và chủ động hội nhập, hợp tác kinh tế có hiệu quả với vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, vùng đô thị thành phố Hồ Chí Minh và vùng đồng bằng sông Cửu Long.

V. CÁC CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN VÀ CÁC DỰ ÁN UU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ

(Phụ lục kèm theo)

VI. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp huy động vốn:

Tổng nhu cầu vốn đầu tư phát triển trong thời kỳ 2006 - 2020 khoảng 422 nghìn tỷ đồng (khoảng 20 - 22 tỷ USD),

chiếm khoảng 43,4%/GDP. Trong đó, giai đoạn 2006 - 2010 là 43,7 nghìn tỷ đồng, chiếm 40,1% GDP.

Nguồn vốn đầu tư dự kiến từ ngân sách địa phương, ngân sách Trung ương, vốn tín dụng đầu tư, vốn tích lũy đầu tư của dân cư và của các doanh nghiệp trong và ngoài nước đến đầu tư.

Để đáp ứng nhu cầu vốn đầu tư, Tỉnh cần phải có hệ thống các giải pháp huy động vốn tích cực, trong đó phát huy nội lực là chủ yếu. Tỉnh cần tạo môi trường đầu tư thuận lợi, để có các điều kiện tốt nhất thu hút các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển; đồng thời đa dạng hóa các hình thức huy động vốn cho đầu tư phát triển, đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư thu hút các nguồn vốn đầu tư nước ngoài (FDI, ODA, NGO, vốn của người Việt Nam định cư ở nước ngoài...). Ưu tiên huy động và sử dụng nguồn vốn từ quỹ đất để phát triển đô thị, cơ sở hạ tầng công nghiệp.

Hướng sử dụng sử dụng vốn như sau: nguồn vốn từ ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước đầu tư vào các lĩnh vực, hạng mục chính như: hạ tầng giao thông, cảng, cấp thoát nước, hồ chứa nước, xử lý nước thải và chất thải rắn và các công trình có ý nghĩa xã hội quan trọng. Ngoài ra, tập trung huy động

vốn tín dụng, vốn từ các doanh nghiệp và các nhà đầu tư trong nước, vốn đầu tư nước ngoài để đầu tư các công trình hạ tầng khu công nghiệp, khu du lịch và các công trình kết cấu hạ tầng khác.

2. Phát triển thị trường và nâng cao khả năng hội nhập quốc tế:

Đẩy mạnh việc cải thiện môi trường đầu tư cho phát triển sản xuất, kinh doanh; giải quyết đồng bộ từ sản xuất đến chế biến, tiêu thụ một số sản phẩm chủ yếu đang có sức cạnh tranh hoặc có điều kiện nâng cao năng lực cạnh tranh; các doanh nghiệp phải đảm bảo chất lượng sản phẩm có sức cạnh tranh khi hội nhập và thay thế được hàng nhập khẩu.

Tiếp tục thực hiện đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước và các doanh nghiệp đã được cổ phần hóa, khuyến khích phát triển kinh tế hộ, kinh tế trang trại gia đình, đặc biệt là kinh tế hợp tác.

Tích cực phát triển thị trường nội địa, củng cố và phát triển có hiệu quả hoạt động của các trung tâm thương mại và các chợ đầu mối trên địa bàn Tỉnh; phổ biến kịp thời các thông tin kinh tế, nhất là về cơ chế, chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động kinh tế - xã hội của các thành phần kinh tế.

Xây dựng chiến lược đầu tư theo định hướng xuất khẩu, tập trung giữ vững và phát triển các thị trường đã có, nghiên cứu kỹ và xúc tiến mở rộng các thị trường mới. Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tham gia các hội chợ, triển lãm trong nước và quốc tế, trưng bày giới thiệu sản phẩm, đẩy mạnh hoạt động quảng cáo, chào hàng...

Mở rộng hợp tác phát triển toàn diện giữa Tiền Giang với các tỉnh trong vùng, đặc biệt là thành phố Hồ Chí Minh nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế, khoa học, công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao năng lực hội nhập kinh tế quốc tế.

3. Bảo vệ môi trường:

Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức và trách nhiệm bảo vệ môi trường.

Tăng cường các biện pháp về phòng ngừa và hạn chế các tác động xấu đến môi trường; kiểm soát, xử lý triệt để ô nhiễm và suy thoái môi trường; bảo vệ, khai thác hợp lý và có hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Đẩy mạnh xã hội hóa và đa dạng hóa đầu tư cho công tác bảo vệ môi trường. Giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường và sự phát triển bền vững.

Tăng cường hợp tác trong và ngoài nước về bảo vệ môi trường và nâng cao năng lực nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ về bảo vệ môi trường.

Tăng cường quản lý nhà nước, thể chế và pháp luật về bảo vệ môi trường, đặc biệt trong việc lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư..., xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

Tăng cường công tác kế hoạch hóa, thực hiện tốt các chương trình, kế hoạch hành động của quốc gia về bảo vệ môi trường.

4. Phát triển nguồn nhân lực:

Xây dựng và mở rộng thêm các trường, cơ sở đào tạo với trang thiết bị hiện đại; tăng cường liên kết, phối hợp với các cơ sở đào tạo thành phố Hồ Chí Minh, Trung ương và các địa phương khác để nâng cao trình độ, chất lượng và số lượng đội ngũ cán bộ, lực lượng lao động kỹ thuật lành nghề.

Mở rộng hợp tác với các trường đại học, các viện nghiên cứu, các cơ sở đào tạo có trang bị hiện đại trong và ngoài tỉnh để đào tạo lực lượng khoa học kỹ thuật, đội ngũ lao động kỹ thuật cao. Khuyến khích các doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng lao động liên kết góp vốn, hỗ trợ trang bị phương tiện với các trường đại

học, các cơ sở đào tạo công nhân kỹ thuật trong vấn đề đào tạo, cung ứng, sử dụng nhân lực một cách có hiệu quả nhất.

Đẩy mạnh đào tạo chuyên nghiệp, đa dạng hóa các hình thức dạy nghề, có chính sách ưu đãi cho lao động nông nghiệp chuyển đổi sang các ngành khác; đãi ngộ và tạo điều kiện làm việc để thu hút cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ quản lý về Tỉnh công tác. Thực hiện đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ quản lý, quản trị kinh doanh đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

5. Phát triển khoa học, công nghệ:

Đổi mới hoạt động khoa học và công nghệ, tăng cường phổ biến thông tin khoa học kỹ thuật, thông tin kinh tế thị trường; tăng cường công tác ứng dụng chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong việc áp dụng các thành tựu khoa học và công nghệ nhất là trong lĩnh vực công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu. Liên kết với các viện, các trường, các trung tâm, các nhà khoa học trong và ngoài nước để thực hiện các đề tài, dự án khoa học. Phát huy vai trò hoạt động của Liên hiệp các hội khoa học, nghiên cứu các cơ chế khuyến khích việc thành lập và hoạt động có hiệu quả Quỹ Phát triển khoa học và Công nghệ tại Tỉnh.

6. Nâng cao năng lực quản lý hành chính:

Đẩy mạnh cải cách hành chính, tiếp tục phân cấp mạnh hơn nhằm nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật; tăng cường thực hiện quy chế dân chủ, công khai minh bạch thông tin về quản lý nhà nước để nhân dân cùng tham gia giám sát và thực hiện.

7. Tăng cường hợp tác phát triển:

Thực hiện hợp tác, liên kết phát triển với các tỉnh trong Vùng, bảo đảm đầu tư đúng quy hoạch nhằm phát huy tiềm năng kinh tế của Tỉnh, đẩy mạnh hợp tác với các địa phương trong nước và quốc tế; ưu tiên hợp tác thu hút những lĩnh vực có yêu cầu trình độ, công nghệ cao mà tỉnh Tiền Giang chưa tiếp cận được.

8. Tổ chức thực hiện:

Căn cứ vào quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đã phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang tập trung chỉ đạo các ngành, các cấp xây dựng quy hoạch, kế hoạch 5 năm và hàng năm bảo đảm phù hợp với định hướng phát triển của Tỉnh. Xây dựng chương trình hành động, các chương trình phát triển theo từng thời kỳ theo định hướng của Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tiền Giang đến năm 2020.

Trong quá trình thực hiện Quy hoạch, Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang phải

thường xuyên chỉ đạo việc rà soát các chỉ tiêu, kế hoạch để đánh giá tình hình thực hiện, kịp thời báo cáo trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch để phù hợp với tình hình và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn.

Công bố và công khai Quy hoạch để thu hút sự chú ý của toàn dân, của các nhà đầu tư trong và ngoài nước tham gia thực hiện. Phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương và các tỉnh bạn để triển khai các chương trình phát triển và hợp tác cùng phát triển.

Điều 2.

a) Quy hoạch này là định hướng và là căn cứ để lập, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và triển khai thực hiện các quy hoạch chuyên ngành, các dự án đầu tư trên địa bàn của Tỉnh theo quy định;

b) Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh trong Quy hoạch, chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan chỉ đạo việc lập và trình duyệt và triển khai thực hiện theo quy định:

- Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội các huyện, thị xã, quy hoạch phát triển hệ thống đô thị và các điểm dân cư, quy hoạch xây dựng, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển các

ngành, các lĩnh vực để bảo đảm sự phát triển tổng thể, đồng bộ;

- Nghiên cứu xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển của Tỉnh và pháp luật của Nhà nước trong từng giai đoạn nhằm thu hút, huy động các nguồn lực để thực hiện Quy hoạch;

- Lập các kế hoạch dài hạn, trung hạn, ngắn hạn; các chương trình phát triển trọng điểm, các dự án cụ thể để đầu tư tập trung hoặc đầu tư từng bước với trình tự hợp lý.

Điều 3. Các Bộ, ngành liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

- Hướng dẫn và giúp Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang trong việc nghiên cứu lập các quy hoạch nói trên; ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh nhằm huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực và khuyến khích, thu hút đầu tư góp phần vào việc thực hiện tốt mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh;

- Nghiên cứu xem xét, điều chỉnh, bổ sung vào các quy hoạch phát triển ngành,

kế hoạch đầu tư các công trình, dự án liên quan; đẩy nhanh việc đầu tư, thực hiện các công trình, dự án có quy mô, tính chất Vùng và quan trọng đối với sự phát triển của Tỉnh thuộc phạm vi phụ trách để làm căn cứ cho Tỉnh triển khai thực hiện Quy hoạch này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký ban hành.

Điều 5. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tân Dũng

09606338

Phụ lục

**DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN
NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
GIAI ĐOẠN 2006 - 2020**

*(ban hành kèm theo Quyết định số 17/2009/QĐ-TTg
ngày 22 tháng 01 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ)*

A. CÁC CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN

- Phát triển kinh tế lúa gạo;
- Phát triển kinh tế vườn;
- Phát triển chăn nuôi;
- Phát triển kinh tế thủy sản;
- Phát triển công nghiệp chế biến;
- Phát triển du lịch;
- Phát triển khoa học công nghệ;
- Xóa đói giảm nghèo và thực hiện các chính sách xã hội;
- Giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực;
- Phát triển hạ tầng đô thị và nông thôn;
- Quản lý và bảo vệ môi trường;

B. CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

I. Các dự án do Trung ương đầu tư trên địa bàn:

- Xây dựng Quốc lộ 50 bao gồm cầu Mỹ Lợi, cầu Chợ Gạo;
- Xây dựng đường cao tốc Trung Lương - Cần Thơ;
- Xây dựng tuyến đường sắt thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương - Cần Thơ;
- Xây dựng cảng Soài Rạp - Gò Công;
- Gia cố chống xói lở đê biển Gò Công và phục hồi rừng phòng hộ ven biển;
- Chống sạt lở, ổn định bờ sông Tiền, đê kênh Chợ Gạo;

09606338

- Xử lý, phòng, chống sạt lở bờ sông Tiền tại thành phố Mỹ Tho và vùng phụ cận;
- Đầu tư xây dựng cụm tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ Tiền Giang.

II. Các dự án do Tỉnh quản lý và đầu tư:

1. Nông, lâm, ngư nghiệp:

- Xây dựng vùng lúa chất lượng cao;
- Xây dựng các vùng chuyên canh cây ăn trái đặc sản, vùng rau sạch;
- Nâng cấp đê biển Gò Công I;
- Xây dựng mới đê biển Gò Công II;
- Nâng cấp đê cửa sông Gò Công II;
- Tăng cường năng lực các trại giống lúa, cây ăn quả, thủy sản, gia súc, gia cầm;
- Đầu tư cơ sở hạ tầng nuôi thủy sản khu vực Gò Công, Cai Lậy, Cái Bè;
- Nâng cao công tác chuyển giao khoa học - công nghệ và khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư;
- Phát triển hệ thống trang trại chăn nuôi và cây trồng sạch;
- Phát triển hệ thống hợp tác xã nông nghiệp - dịch vụ tổng hợp;
- Phát triển tổng hợp nông nghiệp - nông thôn huyện Tân Phú Đông và Tân Phước;
- Xây dựng khu nông nghiệp, công nghệ - kỹ thuật cao;
- Xây dựng khu neo đậu trú bão cho tàu cá;
- Đầu tư xây dựng mở rộng cảng cá Mỹ Tho kết hợp dịch vụ hậu cần nghề cá;
- Xây dựng khu bảo tồn đa dạng sinh học ven biển và vùng cửa sông;
- Xây dựng khu bảo tồn đa dạng sinh học rừng tràm Tân Phước;
- Xây dựng tuyến đê phụ Phước Trung - Bình Đông;
- Xây dựng các ô bao kiểm soát lũ bảo vệ vườn cây ăn trái trên các xã Cù Lao và Nam Quốc lộ 1A;
- Kênh Xuân Hòa - Cầu Ngang;
- Đầu tư hoàn chỉnh các trực kênh thoát lũ Bắc Quốc lộ 1;

- Nạo vét kênh liên vùng- vùng lũ, vùng ngọt hóa Gò Công, vùng Bảo Định;
- Cải tạo nâng cấp hệ thống cống điều tiết khu vực Gò Công;
- Cải tạo nâng cấp hệ thống thủy lợi nội đồng.

2. Công nghiệp:

- KCN Long Giang;
- KCN tàu thủy Soài Rạp;
- KCN dịch vụ dầu khí;
- KCN Gia Thuận và cảng biển Tân Phước;
- Các KCN khu vực Đông Nam Tân Phước;
- Các KCN khu vực Bắc Gò Công;
- Đầu tư xây dựng các cụm công nghiệp (CCN) tại các huyện, thành phố Mỹ Tho, thị xã Gò Công;
- Đầu tư cơ sở hạ tầng các làng nghề trên địa bàn tỉnh;
- Xây dựng nhà máy đóng tàu;
- Xây dựng các nhà máy cơ khí phục vụ nông nghiệp - nông thôn;
- Xây dựng các nhà máy bồi trợ phát triển công nghiệp;
- Bảo quản, chế biến các sản phẩm nông nghiệp;
- Xây dựng các nhà máy chế biến thủy sản;
- Xây dựng các nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi;
- Xây dựng các nhà máy chế biến rau, quả;
- Xây dựng các cơ sở may xuất khẩu;
- Xây dựng các cơ sở sản xuất giày da;
- Xây dựng nhà máy tinh chế các chế phẩm sau dầu dừa;
- Chế biến tinh dầu tràm và than hoạt tính;
- Chế biến các sản phẩm từ cây ca cao, cây dừa;
- Xây dựng nhà máy thịt hộp xuất khẩu;
- Xây dựng nhà máy lắp ráp sản phẩm điện tử;
- Xây dựng trạm biến áp 220/110 KV và 110/15 - 22KV;
- Xây dựng, nâng cấp phát triển đường dây trung thế khu vực đô thị và nông thôn;

09606338

- Xây dựng, nâng cấp phát triển đường dây và trạm hạ thế khu vực đô thị và nông thôn;

- Phát triển và ứng dụng năng lượng sạch trong sinh hoạt, đời sống dân cư.

3. Thương mại - dịch vụ:

- Xây dựng các chợ đầu mối nông, thủy sản trên địa bàn Tỉnh;
- Cải tạo, nâng cấp phát triển hệ thống chợ trên địa bàn Tỉnh;
- Phát triển các trung tâm thương mại, siêu thị, dịch vụ gắn với các đô thị, các khu công nghiệp;

- Đầu tư phát triển hệ thống khách sạn 3 - 4 sao trên địa bàn Tỉnh.

4. Phát triển đô thị và nông thôn:

- Cải tạo, nâng cấp phát triển cơ sở hạ tầng thành phố Mỹ Tho;
- Cải tạo, nâng cấp phát triển cơ sở hạ tầng thành phố Gò Công;
- Cải tạo, nâng cấp phát triển cơ sở hạ tầng các thị trấn huyện lỵ;
- Quy hoạch và đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thị xã Cai Lậy;
- Quy hoạch và đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các thị trấn mới;
- Quy hoạch và đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng huyện mới Tân Phú Đông;
- Quy hoạch và đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các thị tứ, các trung tâm cụm xã

- Đầu tư xây dựng các khu tái định cư, khu dân cư thu nhập thấp;
- Quy hoạch và xây dựng phát triển các khu dân cư, đô thị, thương mại, dịch vụ cao cấp khu vực Trung Lương;
- Quy hoạch và xây dựng phát triển các khu dân cư, đô thị, thương mại, dịch vụ cao cấp khu vực Đông Nam Tân Phước;
- Quy hoạch và xây dựng phát triển các khu dân cư, đô thị, thương mại, dịch vụ cao cấp khu vực Bắc Gò Công;
- Quy hoạch và xây dựng phát triển các khu dân cư, đô thị, thương mại, dịch vụ tại thành phố Mỹ Tho, TX Gò Công và các thị trấn huyện lỵ.

5. Giao thông:

- Nâng cấp và phát triển hệ thống cầu, đường tỉnh;
- Cải tạo, nâng cấp hệ thống giao thông nông thôn (đường huyện và xã);
- Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường đô thị;

- Hệ thống đường giao thông kết hợp đê biển;
- Xây dựng đường Cần Đước (Long An) - Chợ Gạo (Tiền Giang);
- Hệ thống giao thông kết nối với các khu, cụm công nghiệp;
- Hệ thống cầu và phà qua các cù lao;
- Cải tạo, nâng cấp bến xe khách Mỹ Tho và các huyện;
- Xây dựng cảng chuyên dùng và nâng cấp cảng Mỹ Tho.

6. Thông tin và truyền thông:

- Mở rộng mạng điện thoại nội hạt, di động, mạng truyền dẫn quang, phát triển mạng Internet, mạng lưới điểm phục vụ;
- Phát triển hạ tầng, nguồn nhân lực và ứng dụng công nghệ thông tin;
- Trung tâm đào tạo công nghệ thông tin.

7. Y tế:

- Cải tạo, nâng cấp các bệnh viện huyện, phòng khám đa khoa khu vực và các trung tâm y tế dự phòng;
- Đầu tư xây dựng bệnh viện đa khoa cấp vùng;
- Đầu tư xây dựng các Bệnh viện chuyên khoa: Lao và bệnh phổi; Mắt; Phụ sản; Nhi; Tim mạch - Lão khoa; Chấn thương - chỉnh hình; Da liễu;
- Tăng cường trang thiết bị cho hệ thống bệnh viện cấp huyện, tỉnh;
- Tăng cường năng lực trường Cao đẳng Y tế;
- Đầu tư xây dựng các bệnh viện tư và các trung tâm chẩn đoán y khoa kỹ thuật cao.

8. Giáo dục và Đào tạo:

- Đầu tư xây dựng và tăng cường năng lực trường Đại học Tiền Giang;
- Tăng cường cơ sở vật chất trường trung học phổ thông;
- Tăng cường cơ sở vật chất trường trung học cơ sở;
- Phát triển hệ thống trường mẫu giáo, mầm non;
- Xây dựng các trường trung cấp kinh tế - kỹ thuật;
- Xây dựng trường cao đẳng kinh tế, kỹ thuật, công nghệ;
- Tăng cường trang thiết bị cho các trung tâm hướng nghiệp dạy nghề;
- Đầu tư xây dựng các trường, trung tâm đào tạo kỹ thuật, chất lượng cao.

9. Văn hóa - Thể thao - Du lịch:

- Xây dựng Trung tâm hội chợ - triển lãm của vùng;
- Đầu tư phát triển hạ tầng phục vụ du lịch trên các xã cù lao sông Tiền và khu vực ven biển Gò Công;
- Phát triển khu du lịch sinh thái vùng ngập lũ Đồng Tháp Mười - huyện Tân Phước;
- Đầu tư phát triển các khu du lịch trên các xã cù lao sông Tiền, khu vực ven biển Gò Công;
- Đầu tư khu du lịch Vĩnh Tràng;
- Nâng cấp trung tâm văn hóa tỉnh Tiền Giang;
- Di tích Trương Định - Ao Dinh;
- Nâng cấp bảo tàng Tỉnh;
- Công viên văn hóa Vĩnh Tràng;
- Trùng tu, tôn tạo các di tích được công nhận di tích cấp quốc gia;
- Các trung tâm văn hóa huyện, điểm sinh hoạt văn hóa xã;
- Xây dựng các khu thể thao tỉnh, huyện;
- Khu thể thao dưới nước;
- Xây dựng mới trung tâm kỹ thuật phát thanh truyền hình;
- Nâng cao năng lực trường văn hóa nghệ thuật;
- Nâng cao năng lực trường thể dục thể thao;
- Khôi phục và phát triển các loại hình văn hóa, nghệ thuật dân gian;
- Quy hoạch và xây dựng các công viên nghĩa trang.

10. Lao động - Thương binh - Xã hội:

- Xây dựng và tăng cường năng lực trường Cao đẳng nghề Tiền Giang;
- Xây dựng Trường dạy nghề khu vực Cai Lậy, Gò Công;
- Xây dựng Trung tâm dạy nghề các huyện;
- Trung tâm Xã hội Tiền Giang (giai đoạn II);
- Xóa đói giảm nghèo và việc làm tỉnh Tiền Giang.

09606338

11. Cấp thoát nước và vệ sinh môi trường:

- Cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn;
- Xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý thải thành phố Mỹ Tho;
- Xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý thải thị xã Gò Công;
- Cải tạo và xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải các thị trấn trung tâm các huyện;
- Đầu tư xây dựng các bãi rác hợp vệ sinh khu vực nông thôn;
- Xây dựng mới bãi xử lý rác khu vực Gò Công;
- Xây dựng mới bãi xử lý rác khu vực Cái Bè;
- Xây dựng mới bãi xử lý rác khu vực Tân Phước;
- Xây dựng các xưởng đốt rác thải y tế tập trung;
- Tăng cường năng lực quản lý và nâng cao nhận thức cho cộng đồng về bảo vệ môi trường;
- Cấp nước 4 huyện phía Đông;
- Cấp nước huyện mới Tân Phú Đông;
- Cấp nước khu vực Đông Nam Tân Phước;
- Đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải ở KCN Mỹ Tho;
- Đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải ở KCN Tân Hương;
- Đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải ở KCN tàu thủy Soài Rạp;
- Đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải ở KCN Long Giang;
- Đầu tư xây dựng nhà máy xử lý, chế biến phân bón từ rác thải.

* Ghi chú: về vị trí, quy mô, diện tích đất sử dụng và tổng mức đầu tư của các công trình, dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư cho từng thời kỳ./.

09606338